

TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN BẢO TỒN DI SẢN TẠI VIỆT NAM

LEARNING ABOUT THE ROLE OF HERITAGE CONSERVATION PROJECT MANAGEMENT IN VIETNAM



TS. Hoàng Thị Phương Thảo¹

Tóm tắt: Với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng tại Việt Nam, công tác bảo tồn di sản và quản lý dự án bảo tồn ngày càng trở nên cấp thiết, đặt ra yêu cầu lớn về phát triển bền vững và bảo tồn di sản. Các dự án bảo tồn được quản lý tốt sẽ giúp di sản được bảo vệ bền vững, thu hút đầu tư, trở thành điểm nhấn du lịch và truyền cảm hứng cho cộng đồng. Để bảo tồn di sản toàn vẹn, cần phải đánh giá và khắc phục các vấn đề này bằng cách nâng cấp quy trình quản lý. Điều này không chỉ bảo vệ các di sản có giá trị mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại và bền vững.

Từ khóa: Bảo tồn di sản, đô thị hóa, quản lý dự án, phát triển, bền vững.

Abstracts: With the rapid speed of urbanization in Vietnam, heritage conservation work and the management of conservation projects are becoming increasingly urgent, posing significant demands for sustainable development and heritage preservation. Well-managed conservation projects ensure the sustainable protection of heritage, attract investment, become tourism highlights, and inspire communities. It is necessary to assess and address these issues by upgrading management processes to preserve heritage comprehensively. The suitable conservation process not only protects valuable heritage but also meets the demands of modern and sustainable development.

Keywords: Heritage conservation, urbanization, heritage project management, sustainable development.

Nhận bài ngày 14/7/2025, chỉnh sửa ngày 20/9/2025, chấp nhận đăng ngày 16/10/2025.

1. Giới thiệu

Việt Nam đang đô thị hóa nhanh chóng sau 35 năm đổi mới. Điều này cho thấy quản lý đô thị phải làm rất nhiều để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững và bảo tồn di sản đô thị (Tran, 2023).

Bảo tồn di sản là nhiệm vụ quan trọng với mục tiêu gìn giữ và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, và thiên nhiên của một quốc gia, góp phần định hình bản sắc và tạo động lực phát triển bền vững. Từ đó, công tác quản lý dự án bảo tồn đóng vai trò then chốt, đảm bảo quá trình bảo tồn được tiến hành một cách hiệu quả và bền vững. Việc triển khai một dự án bảo tồn tốt không chỉ có thể bảo vệ và kéo dài tuổi thọ của các di sản mà còn mang lại nhiều lợi ích to lớn về văn hóa, kinh tế và xã hội. Một di sản được bảo tồn hiệu quả có thể trở thành điểm nhấn du lịch, thu hút đầu tư, đồng thời là nơi truyền cảm hứng và giáo dục cho cộng đồng (Bình, 2016).

Quản lý dự án bảo tồn di sản là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện, giám sát và kiểm soát các hoạt động bảo tồn với mục đích phát huy các giá trị của di sản. Quá trình này đảm bảo rằng các dự án bảo tồn được thực hiện một cách hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đã đề ra, đồng thời phù hợp với các yêu cầu về tài chính, thời gian, nguồn lực và quy định pháp luật hiện hành (Hirszenberger et al, 2019; Howard, 2003).

¹ Khoa Kỹ thuật công trình, Trường Đại học Tôn Đức Thắng
Email: hoangthiphuongthao@tdtu.edu.vn

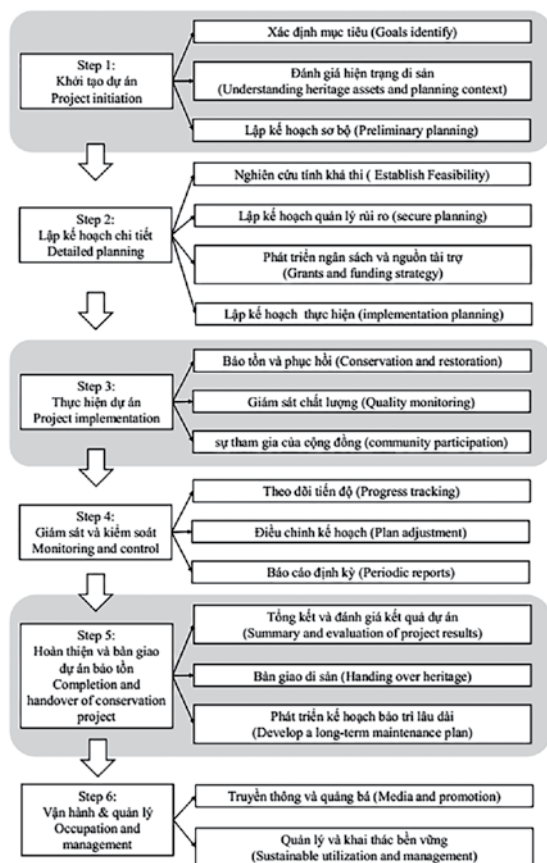
2. Tổng hợp và đề xuất giải pháp

2.1. Tìm hiểu về quản lý dự án bảo tồn di sản

Quản lý dự án bảo tồn là một lĩnh vực chuyên môn đặc thù, tập trung vào bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị của các tài sản văn hóa, bao gồm di tích lịch sử, tượng đài, truyền thống và hiện vật. Thách thức trong lĩnh vực này rất đa dạng, từ các vấn đề kỹ thuật, xã hội, tài chính đến đạo đức (Hirszenberger et al., 2019; Howard, 2003).

Trước bối cảnh di sản văn hóa ngày càng chịu áp lực từ quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa và các biến đổi môi trường, quản lý hiệu quả các dự án di sản trở thành yếu tố then chốt để đảm bảo các giá trị quý báu này được gìn giữ cho thế hệ mai sau (Nguyen, 2021). Các nhà quản lý dự án cần phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, tìm kiếm và huy động nguồn lực tài chính, đồng thời xử lý các yêu cầu pháp lý phức tạp, trong khi vẫn giữ được tính nguyên bản và giá trị cốt lõi của di sản đang được bảo vệ (Kono, 2014; Stovel, 2008).

Quy trình thực hiện của một dự án quản lý bảo tồn thường gặp về cơ bản có sáu bước và nội dung được tóm lược trong sơ đồ sau (Hajjalikhani, 2008; Roy & Kalidindi, 2017; Stendebakken & Olsson, 2018; Unesco, 2017) (Hình 1).



Hình 1. Quy trình quản lý dự án bảo tồn di sản

Giai đoạn đầu tiên là khởi động dự án, trong đó việc xác định rõ mục tiêu bảo tồn là cấp thiết. Bên cạnh đó, xác định các giá trị di sản cần giữ gìn, phạm vi thực hiện dự án cũng không kém phần quan trọng. Tiếp theo là đánh giá hiện trạng di sản thông qua khảo sát và nghiên cứu, từ đó hiểu rõ các đặc điểm văn hóa, lịch sử, kỹ thuật, và tình trạng hiện tại của di sản.



Danh lam thắng cảnh Tràng An - Tam Cốc - Bích Động (Ninh Bình)
- Tài nguyên di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị nổi bật, mang đậm bản sắc văn hóa đặc sắc địa phương

Kế hoạch chi tiết là giai đoạn tiếp theo. Giai đoạn này bao gồm nghiên cứu khả thi, phân tích các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, xã hội và pháp lý. Song song đó, cần xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro để nhận diện các nguy cơ tiềm ẩn và biện pháp giảm thiểu.

Các hoạt động bảo tồn và phục hồi được triển khai theo kế hoạch trong giai đoạn thực hiện dự án. Giai đoạn này cần phải đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ giá trị di sản.

Quá trình giám sát và kiểm tra đánh giá được thực hiện song hành để theo dõi tiến độ, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết và báo cáo định kỳ tới các bên liên quan. Khi dự án hoàn thành, cần tái đánh giá kết quả đạt được, so sánh với mục tiêu ban đầu và bàn giao di sản cho các cơ quan quản lý. Kế hoạch bảo trì dài hạn cũng được phát triển để đảm bảo di sản được duy trì bền vững.

Cuối cùng, các chiến lược quảng bá và truyền thông nhằm phát huy giá trị di sản đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn sau dự án. Chiến lược quảng bá và truyền thông được xây dựng nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, đồng thời tích hợp di sản vào các hoạt động du lịch, giáo dục và văn hóa để mang lại lợi ích kinh tế, xã hội lâu dài.

2.2. Pháp lý liên quan tới bảo tồn di sản và quản lý dự án bảo tồn di sản

Tại Việt Nam, việc bảo tồn di sản được quy định bởi nhiều văn bản pháp lý, tạo cơ sở quan trọng cho công tác bảo vệ, quản lý và phát huy giá trị di sản. Luật Di sản văn hóa (Luật di sản văn hóa 45/2004/QH10, 2025) hóa sửa đổi 2024 của Việt Nam chú trọng vào bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản văn hóa, đặc biệt là những di sản được UNESCO công nhận.

Luật Xây dựng (2014, sửa đổi bổ sung 2020) quy định về quy hoạch và xây dựng trong các khu vực có di sản, đảm bảo rằng các dự án xây dựng không gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến di sản (Luật Xây dựng sửa đổi 2020 số 62/2020/QH14, 2024). Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (2024) yêu cầu tích hợp bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên vào các quy hoạch tổng thể cấp quốc gia, quy hoạch vùng và địa phương (Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 số 47/2024/QH15, 2024). Luật Kiến trúc 2019 của Việt Nam đưa ra những quy định liên quan đến bảo tồn di sản, nhằm bảo vệ các giá trị văn hóa và lịch sử trong quá trình phát triển xây dựng (Luật Kiến Trúc 40/2019/QH14, 2020).

Ngoài ra, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn như Nghị định 98/2010/NĐ-CP, Nghị định 166/2018/NĐ-CP và Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL còn chi tiết hóa các quy định về bảo vệ, tu bổ, phục hồi các di sản và quy định rõ về xử phạt các vi phạm trong lĩnh vực bảo tồn di sản.

Nghị định 98/2010/NĐ-CP quy định quy trình lập hồ sơ công nhận di sản văn hóa, quản lý sử dụng di sản, và khuyến khích khai thác bền vững. Các biện pháp xử lý vi phạm như phá hoại hoặc sử dụng sai mục đích được nêu rõ để bảo vệ hiệu quả di sản (Nghị định 98/2010/NĐ-CP hướng dẫn Luật di sản văn hóa và Luật di sản văn hóa sửa đổi, 2010).

Nghị định 166/2018/NĐ-CP thể hiện chi tiết về thẩm quyền, trình tự, và thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, dự án bảo tồn, tu bổ, và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Nghị định xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý và phê duyệt quy hoạch di sản. Nghị định đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn di sản bền vững, hiệu quả và đồng bộ, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội (Nghị định 166/2018/NĐ-CP quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, 2019).

Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định chi tiết về hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích nhằm mục đích bảo đảm tính toàn vẹn và giá trị lịch sử của các di sản. (Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL Quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, 2021).

Việt Nam cũng tham gia các công ước quốc tế như Công ước Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới (1972) và Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể (2003), nhằm bảo vệ các di sản đã được UNESCO công nhận và định hướng cho công tác bảo vệ di sản phi vật thể. (Công Ước về Bảo vệ Di Sản Văn Hóa Phi Vật Thể, 2003; Gruber, 1972; Stovel, 2008)

3.3. Các vấn đề còn tồn tại trong công tác bảo tồn và quản lý dự án bảo tồn di sản

Sự chồng chéo và thiếu đồng bộ: Các quy định pháp lý nằm rải rác trong nhiều văn bản như Luật Di sản Văn hóa, Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng, và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn. Điều này gây khó khăn trong việc áp dụng và phối hợp thực thi giữa các cơ quan quản lý.



Hình 2. UNESCO công nhận Vịnh Hạ Long
Quần đảo Cát Bà là Di sản Thiên nhiên Thế giới

Thiếu quy định chi tiết: Một số quy định liên quan đến bảo quản, phục hồi tu bổ các di tích còn thiếu cụ thể, dẫn đến sự lúng túng trong quá trình thực hiện, đặc biệt là trong việc bảo đảm tính nguyên trạng và giá trị gốc của di tích.

Quản lý thiếu hiệu quả: Các quy hoạch và dự án xây dựng tại khu vực di sản thường xuất hiện những mâu thuẫn giữa lợi ích phát triển kinh tế và việc bảo vệ di sản. Giữa các tổ chức quốc tế, các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng địa phương thường thiếu sự phối hợp nhịp nhàng. Nhiều dự án bảo tồn không tính đến yếu tố dài hạn, dẫn đến việc duy trì và quản lý sau dự án gặp khó khăn.

Giám sát lỏng lẻo: Giám sát lỏng lẻo ở các dự án bảo tồn thường xuất phát từ việc thiếu các cơ chế kiểm tra thường xuyên, minh bạch và hiệu quả. Điều này dẫn đến việc không phát hiện đúng lúc các vi phạm, sai sót kỹ thuật hoặc việc không tuân thủ các quy định của pháp luật trong suốt quá trình thực hiện dự án.

Thiếu nguồn lực và cơ chế hỗ trợ tài chính: Nguồn kinh phí cho các hoạt động bảo tồn thường dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi cơ chế huy động từ xã hội hóa và nguồn tài trợ quốc tế chưa được tối ưu hóa.

Chưa rõ ràng về trách nhiệm của các bên liên quan: Quy định pháp lý chưa phân định rõ về vai trò và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong các dự án bảo tồn di sản.

Xử lý các vi phạm chưa nghiêm: Mặc dù đã có các quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo tồn di sản, nhưng việc thực thi còn lỏng lẻo, chưa đủ sức răn đe đối với các hành vi vi phạm như: Xâm phạm, phá hủy hoặc sử dụng sai mục đích di sản.

Thời gian thực hiện, tiếp nhận xử lý và triển khai dự án kéo dài: Quá trình phê duyệt dự án thường phải trải qua nhiều bước với nhiều cơ quan liên quan, từ cấp địa phương đến cấp Trung ương. Thủ tục hành chính rườm rà, thiếu đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước là một yếu tố khiến cho thời gian thực hiện các dự án bị kéo dài.

Nhận thức cộng đồng còn hạn chế: Thiếu hiểu biết của người dân về giá trị văn hóa, lịch sử và vai trò của di sản dẫn đến việc họ không nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn. Nhiều người coi việc bảo tồn di sản là trách nhiệm của Nhà nước hoặc các tổ chức chuyên môn, dẫn đến tâm lý thờ ơ và thiếu sự tham gia tích cực từ cộng đồng.



Hình 3. Ví dụ về các vấn đề bất cập trong quản lý dự án bảo tồn di sản tại khu di tích thành cổ Sơn Tây (Hà Nội) được đăng trên báo Lao động tháng 1/2017. Nguồn: (Tran Thi, 2017)

Công nghệ và kỹ thuật bảo tồn hạn chế: Kỹ thuật bảo tồn di sản hiện nay ở nhiều địa phương vẫn chưa được cập nhật với công nghệ tiên tiến, dẫn đến chất lượng bảo tồn chưa đạt yêu cầu, từ đó làm giảm giá trị và tính nguyên vẹn của di sản.

Biến đổi khí hậu và môi trường: Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và các hiện tượng thiên tai đang ngày càng ảnh hưởng tiêu cực đến sự tồn tại của các di sản văn hóa. Những yếu tố này không chỉ gây ra sự xuống cấp nhanh chóng của các di tích mà còn làm suy giảm giá trị của chúng, đe dọa khả năng duy trì di sản cho các thế hệ sau. Các biện pháp bảo vệ di sản chống lại biến đổi khí hậu thường chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng hoặc áp dụng đầy đủ, khiến cho việc bảo tồn di sản trong bối cảnh biến đổi khí hậu trở nên khó khăn và chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.



Hình 4. Ví dụ về Đình Cầu Ngói (Nam Định) trước và sau khi trùng tu sai cách do nhiều nguyên nhân ảnh hưởng tới giá trị di tích
Nguồn: (Đức Văn, 2020)

4. Đề xuất

a. Cập nhật nhanh chóng, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý

Hệ thống văn bản pháp lý hiện hành về bảo tồn di sản tại Việt Nam mặc dù đã đạt được một số thành tựu, nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế như sự chồng chéo và thiếu đồng bộ trong các quy định. Các quy định về bảo tồn di sản hiện nay trải rộng trên nhiều văn bản khác nhau như Luật Di sản Văn hóa, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, cùng với các Nghị định, Thông tư hướng dẫn. Điều này gây khó khăn trong việc áp dụng và phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, làm giảm hiệu quả trong quá trình thực hiện các dự án bảo tồn. Để khắc phục vấn đề này, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý, tạo ra một khung pháp lý rõ ràng, đồng bộ và dễ dàng áp dụng. Đồng thời, các quy định cần phải chi tiết hơn, giúp hướng dẫn cụ thể quy trình bảo tồn, tu bổ và phục hồi các di tích, bảo vệ tính nguyên trạng và giá trị gốc của di sản.

b. Tăng cường công tác phối hợp

Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thiếu hiệu quả trong quản lý bảo tồn di sản là sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức quốc tế và cộng đồng địa phương. Sự mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và bảo vệ di sản là một vấn đề nổi cộm trong các dự án bảo tồn. Để giải quyết vấn đề này, cần thiết phải nâng cao sự phối hợp giữa các bên liên quan. Các cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế, và cộng đồng địa phương cần có một hệ thống liên kết chặt chẽ hơn, với các phương thức hợp tác rõ ràng. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu xung đột lợi ích giữa các bên mà còn giúp các dự án bảo tồn được triển khai hiệu quả và bền vững hơn.

c. Giám sát và kiểm tra chặt chẽ

Giám sát lỏng lẻo trong các dự án bảo tồn là một trong những nguyên nhân dẫn đến vi phạm và chất lượng bảo tồn không đạt yêu cầu. Các cơ chế kiểm tra chưa đủ mạnh, thiếu minh bạch và không được thực hiện thường xuyên. Để khắc phục điều này, các cơ quan quản lý nhà nước cần đề xuất xây dựng một cơ chế giám sát minh bạch hơn, hiệu quả hơn, với các tiêu chí và phương pháp kiểm tra cụ thể, rõ ràng.

d. Tạo cơ chế tài chính hỗ trợ

Hiện nay, nguồn kinh phí cho công tác bảo tồn di sản chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, trong khi đó, cơ chế huy động từ xã hội hóa và nguồn tài trợ quốc tế chưa được khai thác tối đa. Các biện pháp xã hội hóa sẽ giúp giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước, đồng thời tạo ra sự tham gia rộng rãi của cộng đồng trong việc bảo tồn di sản. Ngoài ra, cần có các chính sách hỗ trợ cụ thể cho các tổ chức quốc tế và phi Chính phủ tham gia vào công tác bảo tồn.

e. Nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng

Một vấn đề lớn trong công tác bảo tồn di sản hiện nay là nhận thức của cộng đồng còn hạn chế. Nhiều người dân chưa hiểu được giá trị văn hóa, lịch sử của di sản và không nhận thức được vai trò của mình trong việc bảo tồn. Hệ quả là một số hành động sai lệch, như xây dựng trái phép, cải tạo không đúng cách hoặc sử dụng sai mục đích, đã gây tổn hại cho di sản. Để giải quyết vấn đề này, cần triển khai các chương trình tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về giá trị của di sản, cũng như vai trò quan trọng của họ trong việc bảo vệ di sản. Sự tham gia tích cực của cộng đồng là yếu tố quyết định trong việc bảo tồn lâu dài các giá trị văn hóa lịch sử.

f. Đổi mới công nghệ bảo tồn

Kỹ thuật bảo tồn di sản tại nhiều địa phương hiện nay vẫn chưa được cập nhật với công nghệ tiên tiến, dẫn đến chất lượng bảo tồn chưa đạt yêu cầu. Các phương pháp bảo tồn lạc hậu không chỉ khó khăn trong việc duy trì giá trị văn hóa mà còn có thể gây ra thiệt hại không thể phục hồi. Để nâng cao chất lượng bảo tồn, cần đầu tư vào các công nghệ bảo tồn tiên tiến, đồng thời cập nhật kỹ thuật bảo tồn hiện đại và có thể áp dụng vào thực tiễn. Bên cạnh đó, cũng cần đào tạo nhân lực có chuyên môn cao về bảo tồn, đặc biệt là các chuyên gia, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong lĩnh vực bảo tồn di sản.

g. Ứng phó với biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường là những yếu tố ngày càng ảnh hưởng tiêu cực đến sự tồn tại của các di sản. Tuy nhiên, các giải pháp bảo vệ di sản khỏi biến đổi khí hậu vẫn chưa được nghiên cứu và áp dụng đầy đủ. Để bảo vệ di sản khỏi các tác động của biến đổi khí hậu, chúng ta cần có những chiến lược dài hạn và các biện pháp thích ứng hiệu quả. Các nghiên cứu cần tập trung vào việc bảo vệ di sản và những hướng đi cần thiết để nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn tại Việt Nam. Những đề xuất trên nếu được triển khai sẽ góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của đất nước một cách bền vững.

5. Kết luận và kiến nghị

Công tác bảo tồn và quản lý dự án di sản là một nhiệm vụ đặc thù và phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan quản lý, chuyên gia, tổ chức xã hội, và cộng đồng địa phương. Với



Bảo tồn di sản văn hóa trong sự phát triển tiếp nối tạo ra sinh kế bền vững cho cộng đồng

bối cảnh di sản văn hóa ngày càng chịu nhiều áp lực từ nhiều mặt, việc áp dụng một quy trình quản lý bài bản, tuân thủ pháp lý chặt chẽ và tích hợp các yếu tố bền vững là điều kiện tiên quyết để bảo vệ và phát huy giá trị di sản cho các thế hệ mai sau.

Để khắc phục những hạn chế và đảm bảo công tác bảo tồn được thực hiện bền vững, cần tiến hành các cải cách toàn diện về pháp lý, đầu tư nguồn lực, cập nhật công nghệ và kỹ thuật bảo tồn, cũng như thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng. Đây không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan quản lý mà còn là nghĩa vụ chung của toàn xã hội trong việc gìn giữ những giá trị văn hóa quý báu, góp phần xây dựng nền tảng bền vững cho sự phát triển kinh tế - xã hội và bản sắc quốc gia.

Nghiên cứu đã đóng góp vào việc hệ thống hóa các lý thuyết và mô hình quản lý dự án bảo tồn di sản, từ đó làm rõ vai trò của các yếu tố như cơ chế chính sách, sự tham gia của cộng đồng, và ứng dụng công nghệ trong bảo tồn. Đồng thời, nghiên cứu cũng góp phần đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả quản lý di sản trong bối cảnh hiện đại hóa và biến đổi khí hậu. Trong tương lai, các hướng nghiên cứu mở rộng có thể tập trung vào việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá định lượng hiệu quả dự án bảo tồn, ứng dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, và hệ thống thông tin địa lý để quản lý di sản. Nghiên cứu cũng cần đánh giá sâu hơn về tác động của biến đổi khí hậu đối với di sản và đề xuất các giải pháp ứng phó toàn diện. Ngoài ra, việc tiến hành phân tích mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển bền vững, cùng việc xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng, sẽ là các hướng quan trọng để tăng cường hiệu quả bảo tồn lâu dài.

Nguyễn Lan (BT)

Tài liệu tham khảo:

1. Bình T. Q. (2016). Bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam.
2. Bowen, G. A. (2009). Document analysis as a qualitative research method. 9(2), 27–40.
3. Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. (2003, March 11). UNESCO.
4. Đức Văn. (2020, February 23). Nam Định: Yêu cầu phục hồi di tích cầu Ngói chợ Thượng nguyên trạng. Đài Phát thanh Truyền hình Thanh Hóa.

5. Gruber, S. (1972). Convention concerning the protection of the world cultural and natural heritage 1972. Stefan Gruber, Convention Concerning the Protection of the World Cultural and Natural Heritage, 60–66.

6. Hajialikhani, M. (2008). A systematic stakeholders management approach for protecting the spirit of cultural heritage sites.

7. Hirszenberger, H., Ranogajec, J., Vucetic, S., Lalic, B., & Gracanin, D. (2019). Collaborative projects in cultural heritage conservation—management challenges and risks. 37, 215–224.

8. Howard, P. (2003). Heritage: Management, interpretation, identity. A&C Black.

9. Kono, T. (2014). Authenticity: Principles and notions. 4(2), 436–460.

10. Luật Di sản văn hóa 45/2024/QH15. (2025, January 7). Quốc hội.

11. Luật Kiến trúc 40/2019/QH14. (2020, January 7). Quốc hội.

12. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 số 47/2024/QH15. (2024, December 14). Quốc hội.

13. Luật Xây dựng sửa đổi 2020 số 62/2020/QH14. (2024, December 13). Quốc hội.

14. Nghị định 98/2010/NĐ-CP hướng dẫn Luật Di sản văn hóa và Luật Di sản văn hóa sửa đổi. (2010, June 11). Chính phủ.

15. Nghị định 109/2017/NĐ-CP Quy định về bảo vệ quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam. (2024, June 18). Chính phủ.

16. Nghị định 166/2018/NĐ-CP quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử—Văn hóa, danh lam thắng cảnh. (2019, February 15). Chính phủ.

17. Nguyen, N. K. (2021). Bảo tồn di sản văn hóa trước tác động của biến đổi khí hậu: Nghiên cứu trường hợp Quần thể Di tích Cố đô Huế. 669–682.

18. Roy, D., & Kalidindi, S. N. (2017). Critical challenges in management of heritage conservation projects in India. 7(3), 290–307.

19. Ryan, J., & Heavey, C. (2006). Process modeling for simulation. 57(5), 437–450.

20. Stendebakken, M. O. G., & Olsson, N. O. E. (2018). Cultural heritage in project management: Project appraisal and quality assurance in the early phase of major public investments. Impact Assessment and Project Appraisal, 36(2), 131–144.

21. Stovel, H. (2008). Origins and influence of the Nara document on authenticity. APT Bulletin, 39(2/3), 9–17.

22. Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL Quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. (2021, October 4). Bộ Văn hoá, Thể thao và du lịch.

23. Tran, Q. T. (2023, September). Phát triển đô thị Việt Nam: Thành tựu, thách thức và định hướng giai đoạn tới.

24. Tran Thi M. T. (2017, January 6). Ai làm thành cổ Sơn Tây... “Thất thủ”? Báo Lao Động.

25. Unesco. (2017). Management Plan: 7. Conservation of the Fabric_Durham World Heritage Site [Unesco Official Website]. Unesco World Heritage Site.